

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 243/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16/8/2022

Về việc: Xin ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẮNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mai Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Vũ Thái Sơn.

+ Ông Phan Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Hạnh Quyên - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 146/2022/TLST-HNST ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc: “Xin ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1999.

Trú tại: Tổ 2, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

Bị đơn: Anh Thái Văn D – sinh năm 1992.

Trú tại: Tổ 2, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2022 và biên bản trình bày cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Thái Văn D tự tìm hiểu nhau trong thời gian 02 năm, sau đó quyết định đi đến chung sống và kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký tại UBND xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, do tính của anh D rất vũ phu thường xuyên đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị, vợ chồng sống không cùng quan điểm, không có tiếng nói trong cuộc sống vợ chồng. Mâu thuẫn của vợ chồng chị được hai bên gia đình đã hòa giải, khuyên nhủ rất nhiều lần. Bản thân anh D cũng đã có hứa sẽ sửa sai và thay đổi, nhưng rồi lại như cũ. Nay tôi thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bản thân hai người sống ở hai nơi và không có trách nhiệm chăm sóc lo lắng cho nhau. Vì vậy, chị H xin tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thái Văn D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Thái Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 25/6/2017. Nguyên vọng của chị H, sau khi Tòa án giải quyết cho chị ly hôn thì chị nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Thái Văn D trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn anh thống nhất với lời trình bày của vợ ở trên, còn về nguyên nhân mâu thuẫn chỉ là vợ chồng nói qua nói lại với nhau chứ không có mâu thuẫn gì trầm trọng cả, bản thân anh rất còn thương vợ, con. Do đó anh xin Tòa án giải quyết, hòa giải tạo điều kiện được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung tên Thái Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 25/6/2017. Nguyên vọng anh D xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con. Nếu trong quá trình giải quyết, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H thì anh có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu cô H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn không tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án giải quyết đã triệu tập, niêm yết hợp lệ theo Điều 177 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng bị đơn anh D đã vắng mặt trong các buổi làm việc và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Hôn nhân của chị H, anh D là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Hai anh, chị có đăng lý kết hôn tại UBND xã B là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bản thân anh D hay đánh đập chị H nhiều lần, nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với pháp luật. Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình xử cho chị H ly hôn với anh D.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung Thái Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 25/6/2017 cho chị Hà nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 vì cháu Kiệt hiện còn nhỏ, từ trước đến nay đang ở ổn định với chị H, bản thân chị H có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con chung. Sau khi ly hôn chị H xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Thái Văn D cư trú tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về phía bị đơn Tòa án đã tiến hành giao nhận các văn bản tố tụng theo trình tự quy định của pháp luật nhưng anh D cố tình trốn tránh không đến Tòa để làm việc coi như từ bỏ quyền lợi của mình nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

2/ Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Thái Văn D tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2017, có đăng ký tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H khai là do D rất vũ phu thường xuyên đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị H, vợ chồng sống không cùng quan điểm, không có tiếng nói, mặc dù mâu thuẫn này đã được hai bên gia đình hàn gắn, khuyên bảo nhưng anh D vẫn không thay đổi, còn anh D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng không lớn, chỉ là vợ chồng nói qua nói lại với nhau, bản thân anh D rất còn thương vợ, con nên xin tòa cho vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét việc xin ly hôn của chị H và yêu cầu xin đoàn tụ của anh D thì thấy: Mặc dù mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần và Tòa án đã hòa giải đoàn tụ thành nhưng anh D vẫn không sửa chữa, bản thân trong quá trình Tòa án giải quyết cả hai anh, chị sống ở hai nơi khác nhau, không có trách nhiệm quan tâm chăm sóc lo lắng cho nhau theo đúng nghĩa vợ chồng. Tại phiên hòa giải lần thứ hai anh D vắng mặt tại phiên hòa giải, anh D không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh D ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị H xin ly hôn là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Thái Văn D.

Về con chung: Chị H, anh D có 01 con chung tên Thái Nguyễn Tuấn K – sinh ngày 25/6/2017, chị H có nguyện vọng xin nuôi con chung, anh D cũng có nguyện vọng xin nuôi con Lê Thái Nguyễn Tuấn K. Xét yêu cầu của chị H, anh D thì thấy: Chị H, anh D đều có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định nên việc chị H, anh D đều có nguyện vọng xin nuôi con là chính đáng. Từ trước đến nay cháu Thái Nguyễn Tuấn K sống với mẹ hơn nửa bản thân cháu K đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy xét giao cho chị Nguyễn Thị Thu H nuôi dưỡng đến 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81, 82, 83 luật HN&GD Việt Nam

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Thái Văn D cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Thái Văn D đều khai không có nên HĐXX không xét.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Thái Văn D đều khai không có nên HĐXX không xét.

Án phí LHST: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng y*) xét buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0005874 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ vợ chồng: Xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H, xử cho chị Nguyễn Thị Thu H và anh Thái Văn D ly hôn.

2/ Về con chung:

Xử: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H nuôi con chung tên là Thái Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 25/6/2017 đến 18 tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Anh D có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3/ Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Thái Văn D đều khai không có nên HĐXX không xét.

4/ Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Thái Văn D đều khai không có nên HĐXX không xét.

5/ Án phí LHST: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng y*) xét buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0005874 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện T
- THADS huyện T
- Những người tham gia tố tụng
- UBND xã B.
- Lưu hồ sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Trần Mai Hùng